

Bản án số: **50/2021/HSST**.

Ngày: 25/3/2021.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Lệ**.

2. Ông: **Nguyễn Quốc Tiến**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tú** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Vẹn** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lý Thị Tú A - Sinh ngày: 20/9/1989. (Có mặt)

Giới tính: Nữ.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Số 201, khu phố 5, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: Không - Trình độ học vấn: 9/12 - Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không - Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lý S (1969) và bà Nguyễn Thị Phụng H (1969).

Chồng: Trần Quốc V (đã ly hôn).

Con: 02 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013.

*** Tiền án, Tiền sự:** Chưa.

Bị cáo tại ngoại.

2. Họ và tên: Cao Văn T - Sinh ngày: 18/8/1988. (Có mặt)

Giới tính: Nam.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: C27 đường Phan Văn Trường, khu phố Lê Anh Xuân, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: Làm thuê - Trình độ học vấn: 7/12 - Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không - Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Cao Văn Đ (1967) và bà Nguyễn Thị T (1969).

Vợ: Nguyễn Thị Tuyết H (đã ly hôn).

Con: 01 người, sinh năm 2008.

*** Tiền án, Tiền sự:** Chưa.

*** Nhân thân:** Ngày 07/3/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm xử phạt 02 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Ngày 10/4/2015 chấp hành xong, đương nhiên xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại.

*** Người bị hại:** Ông **Phạm Minh T**, Sinh năm: 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòn Heo, xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Dương Thị Ly L**, Sinh năm: 2003. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 27-29 đường Đinh Liệt, khu phố 5, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Nguyễn Văn T**, Sinh năm: 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Hòn Heo, xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Trần Thanh T**, Sinh năm: 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 597 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 3, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Lê Kim L**, Sinh năm: 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 32/2 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Trần Thị H**, Sinh năm: 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ven 04-09 khu VinHome, phường Phụng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

*** Người làm chứng:**

- Ông **Phan Thanh T**, Sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: F13-Lô 84 đường Nguyễn Văn Tổ, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 13/10/2020, Cao Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Drum (kiểu xe Wave Trung Quốc), màu xanh, biển kiểm soát 16F7-7022 (xe do T mượn của dì ruột là bà Lê Kim L, bà L không biết T mượn xe để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản) chở Lý Thị Tú A đi từ đường Chi Lăng hướng về bến tàu Phú Quốc để gửi đồ. Khi đi ngang qua tiệm nail “Tiền Ngân” ở số A6-58-59-60 đường Chi Lăng, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Tú A nhìn thấy phía trước cửa tiệm có nhiều xe mô tô và không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm xe. Sau khi gửi đồ xong, trên đường đi về Tú A nói với T quay lại đường Chi Lăng để lấy xe thì T hiểu ý là Tú A rủ T thực hiện hành vi lấy trộm xe để trước cửa tiệm nail “Tiền Ngân”, nên T đồng ý và điều khiển xe chở Tú A đi đến tiệm nail. Khi đến gần tiệm nail, T điều khiển xe chạy chậm lại để quan sát, Tú A kêu T dừng xe lại để Tú A vào lấy trộm xe, còn T dừng xe cách đó khoảng 20m để canh đường. Tú A đi bộ đến nơi để những chiếc xe thì nhìn thấy 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển kiểm soát 68K1-233.31 do chị Dương Thị Ly L đậu tại đây (xe do chị Ly mượn của chú là ông Phạm Minh T để sử dụng). Quan sát xung quanh thấy không có người trông coi, Tú A đi đến dẫn xe mô tô của chị Ly Ly đi về hướng T đang chờ. Tú A ngồi trên xe vừa trộm được để T điều khiển xe mô tô của T đẩy về nhà nghỉ “Hạnh phúc”, ở tại F13-Lô 84 đường Nguyễn Văn Tổ, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá để cất giấu. Sau khi thuê phòng nghỉ số 102 và cất giấu xe, Tú A và T thuê anh Trần Thanh T đến nhà nghỉ làm chìa khóa xe Sirius vừa trộm được với giá 60.000 đồng (anh Tâm không biết đó là xe do T và Tú A vừa lấy trộm được). Khi đã có chìa khóa xe, T tháo biển số vừa lấy trộm được của chị Ly Ly cất giấu trong phòng 102 của nhà nghỉ. Đến khoảng 18 giờ ngày 13/10/2020, T và Tú A bị mời về Công an phường Vĩnh Lạc làm việc và đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu trên.

*** Tại Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐGTS ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Rạch Giá, kết luận:**

Tại thời điểm ngày 13/10/2020, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, số khung 3240JY150227, số máy E3X9E416424 đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là **13.167.000** đồng (Mười ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKSRG ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá truy tố các bị cáo: Lý Thị Tú A và Cao Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Lý Thị Tú A** – mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Cao Văn T** – mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

* **Về xử lý vật chứng:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) chìa khóa bằng kim loại có cán bằng nhựa in dòng chữ YAMAHA, phần kim loại có in dòng số 5630, chìa khóa có chiều dài 5,5cm.

* **Về phần dân sự:** Người bị hại ông Phạm Minh T đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, người bị hại ông Phạm Minh T vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra đã có ý kiến xác nhận ông đã được nhận lại tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu gì khác về phần dân sự. Về phần hình phạt, ông T yêu cầu xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Ly L, ông Nguyễn Văn T, ông Trần Thanh T, bà Lê Kim L, bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra đã có ý kiến xác nhận không có yêu cầu gì về phần dân sự liên quan đến vụ án.

Sau khi nghe Kiểm sát viên luận tội, các bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo. Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và ăn năn hối hận, 02 bị cáo có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

các bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bảng Cáo trạng, kết luận điều tra và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 13 giờ ngày 13/10/2020, sau khi gửi đồ ở bến tàu Phú Quốc, Cao Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Drum, màu xanh, biển kiểm soát 16F7-7022 (xe do T mượn của dì ruột là bà Lê Kim L, bà L không biết T mượn xe để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản) chở Lý Thị Tú A quay lại tiệm nail “Tiền Ngân” ở số A6-58-59-60 đường Chi Lăng, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (do trước đó khi đi ngang Tú A và T đã thấy có nhiều xe đậu trước cửa tiệm không người trông coi). Tú A và T đã cùng nhau lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển kiểm soát 68K1-233.31 do ông Phạm Minh T là chủ sở hữu (giá trị tài sản qua định giá là **13.167.000** đồng (Mười ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)).

Hành vi của bị cáo Lý Thị Tú A và Cao Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi lén lút trộm cắp và chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của người bị hại nói riêng và gây mất an ninh trật tự xã hội, gây hoang mang tâm lý trong quần chúng nhân dân nói chung. Đồng thời, hành vi thực hiện trộm vào lúc 13 giờ (là vào ban ngày) và ở tuyến đường Chi Lăng (đây là tuyến đường đông dân cư sinh sống và qua lại) của các bị cáo là hết sức táo bạo. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo, để răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, góp phần lập lại trật tự kỷ cương pháp nước.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lý Thị Tú A, Cao Văn T không có tình tiết tăng nặng nào được quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho 02 bị cáo khi lượng hình.

Riêng bị cáo Tú A có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Tú A.

[6] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lý Thị Tú A là người rủ rê bị cáo T cùng thực hiện trộm, bị cáo còn là người trực tiếp vào lấy trộm tài sản của người bị hại. Bị cáo T giúp sức tích cực cho bị cáo Tú A để hoàn thành vụ trộm và tẩu thoát; ngoài ra, bị cáo T còn là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án và đã được xóa án tích. Từ các căn cứ trên, xét thấy mức án của 02 bị cáo ngang nhau là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, cũng như không có tài sản gì. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định của khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Phạm Minh T đã được nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với các tài sản thu giữ được khi bắt bị cáo gồm:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, số khung 3240JY150227, số máy E3X9E416424 đã qua sử dụng và 01 (một) biển kiểm soát xe số 68K1-233.31, đây là tài sản của người bị hại do các bị cáo lấy trộm. Và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Drum (kiểu xe Wave Trung Quốc), màu xanh, biển kiểm soát 16F7-7022, số khung U110*200000025*, số máy 52FMH*00001625*, đã qua sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội. Quá trình điều tra đã trả lại cho người bị hại Phạm Minh T và bà Lê Kim L là đúng quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- 01 (một) chìa khóa bằng kim loại có cán bằng nhựa in dòng chữ YAMAHA, phần kim loại có in dòng số 5630, chìa khóa có chiều dài 5,5cm, là công cụ bị cáo dùng để phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[11] Về các vấn đề khác của vụ án: Đối với hành vi của anh Trần Thanh T đã làm chìa khóa cho xe mô tô do Tú A và T trộm cắp có được, nhưng anh Tâm không biết đây là tài sản trộm cắp và bà Lê Kim L cho T mượn xe nhưng không biết T sử dụng xe đi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo **Lý Thị Tú A, Cao Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Lý Thị Tú A – 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Cao Văn T – 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

* **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) chìa khóa bằng kim loại có cán bằng nhựa in dòng chữ YAMAHA, phần kim loại có in dòng số 5630, chìa khóa có chiều dài 5,5cm.

(Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 26/QĐ-VKS ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* **Quyền kháng cáo:** Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/3/2021). Người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Cơ quan THADS TP. Rạch Giá;
- Công an TP. Rạch Giá;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo, bị hại, người có QL và NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Phương Thanh

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Cơ quan THADS TP. Rạch Giá;
- Công an TP. Rạch Giá;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo, bị hại, người có QL và NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Phương Thanh